

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAI XUÂN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / UBND-PKT
V/v xây dựng Bảng giá đất lần
đầu áp dụng từ ngày 01/01/2026
trên địa bàn xã Giai Xuân

Giai Xuân, ngày tháng 07 năm 2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An;

Thực hiện Công văn số: 5500/SNNMT-KHTC ngày 16/07/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An về việc xây dựng Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01/01/2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, UBND xã Giai Xuân đã xây dựng, điều chỉnh Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn xã Giai Xuân cụ thể như sau:

(Có bảng giá xây dựng cụ thể kèm theo).

1. Nội dung xin bổ sung:

- Số thửa, số tờ bản đồ: Tuyến đường tỉnh lộ 534D; tuyến đường liên xã 377B (Xã Giai Xuân đi xã Tân Xuân cũ); xã Giai Xuân đi xã Tân Phú; xã Giai Xuân đi xã Nghĩa Phúc cũ; xã Giai Xuân đi xã Tân Long cũ (nay là Tân Phú); Tuyến đường từ UBND xã Giai Xuân đến nhà ông Thông xóm Quyết Tâm; Tuyến đường từ tỉnh lộ 534D đi Tổng đội TNXP4 - Sông Con.

- Bổ sung đơn giá tuyến đường xã 377B (Xã Giai Xuân đi xã Tân Xuân) từ Khu đấu giá Vạn Long thửa 463, và thửa đất số 464, 465, 466, tờ BĐ số 32 đến Khu đấu giá Vạn Long thửa 812, tờ BĐ số 23

Lý do: Thiếu sót trong quá trình rà soát xây dựng bảng giá đất trước đây.

2. Nội dung xin điều chỉnh giá:

- Đề nghị điều chỉnh giá tuyến đường Tỉnh lộ 534D đoạn từ Khe Hao xã Tân Hợp cũ đến địa giới hành chính xã Đồng Văn cũ nay là xã Tiên Đồng và các tuyến đường liên xã, đường liên thôn thuộc xã Tân Hợp cũ nay là xã Giai Xuân.

Lý do xin điều chỉnh: Khu vực xã Tân Hợp cũ trước khi sát nhập là xã vùng sâu đặt biệt khó khăn, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 96%, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 32%, đời sống kinh tế của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Thời điểm sát đất bong bóng do các cò đất thổi giá lên lời đến tận vùng sâu để mua một số thửa đất với giá cao nên đã gây ảnh hưởng đến giá đất thực tế tại xã. Vì vậy UBND xã Giai Xuân đề nghị điều chỉnh giá đất các tuyến đường nói trên để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và người dân khi sử dụng đất. *(có phụ lục đề xuất điều chỉnh kèm theo)*

Trên đây là ý kiến đề xuất khó khăn, vướng mắc xin bổ sung, điều chỉnh Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01/01/2026 xã Giai Xuân đề nghị Sở Nông

nghiệp và Môi trường xem xét giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã; (b/c)
- Trưởng phòng Kinh tế; (b/c)
- Lưu: VP, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Ngọc Sơn

BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ GIAI XUÂN GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2026

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-PKT ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Giai Xuân)

Phụ lục 02

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²) (QĐ 31/2025/UBND ngày 21/05/2025)	Mức giá UBND xã đề xuất (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
A	XÃ GIAI XUÂN CŨ VÀ XÃ TÂN HỢP CŨ NAY LÀ XÃ GIAI XUÂN					
I	Đường Tỉnh lộ					
1	TL 534D	Nhà Thầy Chương xóm Kẽ Mui từ thửa 29, tờ BĐ số 53	Nhà ông Lý xóm Kẽ Mui đến thửa 06, tờ BĐ số 53	600.000	700.000	
2	TL 534D	Nhà ông Trọng xóm Kẽ Mui từ thửa 02, tờ BĐ số 53	Đập Vả đến thửa 464, tờ BĐ số 42	750.000	800.000	
3	TL 534D	Đập Vả từ thửa 904, tờ BĐ số 41	Nhà ông Vũ Đình Tuyên xóm Đồi Chè đến thửa 569, tờ BĐ số 41	1.000.000	800.000	
4	TL 534D	Nhà ông Bùi Văn Mận xóm Đồi Chè từ thửa 498, tờ BĐ số 41	Nhà ông Tuệ xóm Xuân Tiên thửa 1693, tờ BĐ số 40	750.000	600.000	
5	TL 534D	Nhà ông Ông Sáng xóm Xuân Tiến thửa 136, tờ BĐ số 40	Cầu Khe Vinh xóm Xuân Tiến đến thửa 329, tờ BĐ số 28	600.000	600.000	
6	TL 534D	Cầu Khe Vinh xóm Xuân Tiến từ thửa 383 (343), tờ BĐ số 28	Dốc Vinh xóm Xuân Tiến đến thửa 346, tờ BĐ số 28	750.000	600.000	
7	TL 534D	Từ dốc Vinh xóm Xuân Tiến thửa 18, tờ BĐ số 29	Khe Hao giáp Tân Hợp thửa 03, tờ BĐ số 17	500.000	300.000	
8	TL 534D	Đỉnh dốc Khe Hao, xóm Tân Lập (từ thửa đất số 92, tờ bản đồ 82)	Ngã ba nhà anh Nhân Thống (đến thửa đất số 59, tờ bản đồ 42)	1.500.000	400.000	

9	TL 534D	Cầu Khe Hóm, xóm Yên Hòa (từ thửa đất số 23, tờ bản đồ 77)	Giáp nghĩa địa xóm Yên Hòa (đến thửa đất số 09, tờ bản đồ 52)	1.600.000	450.000	
10	TL 534D	Chân Dốc Kè, xóm Hồng Sơn (từ thửa đất số 111, 113, tờ bản đồ 57)	Cầu Đồng Hạ, xóm Hồng Sơn (đến thửa đất số 71, tờ bản đồ 66)	1.200.000	450.000	
11	TL 534D	Cầu Đồng Hạ, xóm Hồng Sơn (đến thửa đất số 73; 80, tờ bản đồ 66)	Mốc địa giới hành chính xã Tân Hợp, xã Đồng Văn, (đến thửa đất số 158; 159, tờ bản đồ 68)	1.200.000	450.000	
II	Đường liên xã					
1	Xã Giai Xuân đi xã Tân Xuân (cũ)	Nhà ông Lục xóm Kẽ Mui thửa 398, tờ BĐ số 42	Nhà ông Tùng xóm Long Thọ thửa 203, tờ BĐ số 32	600.000	600.000	
2	Xã Giai Xuân đi xã Tân Xuân (cũ)	Nhà ông Bùi Văn Trung, xóm Long Thọ thửa 397 (183), tờ BĐ số 32	Trường Tiểu học cụm Vạn Long thửa 98, tờ BĐ số 32	750.000	750.000	
3	Xã Giai Xuân đi xã Tân Xuân (cũ)	Trường Tiểu học cụm Vạn Long thửa 90, tờ BĐ số 32	Nhà bà Phạm Thị Thanh thửa 793, tờ BĐ số 23	550.000	550.000	
4	Xã Giai Xuân đi Tân Phú (cũ)	Chợ trung Tâm thửa 881, tờ BĐ số 41	Nhà ông Tùng xóm Kẽ Mui thửa 936, tờ BĐ số 41	1.200.000	900.000	
5	Xã Giai Xuân đi Tân Phú (cũ)	Nhà ông Thuật xóm Kẽ Mui thửa 329, tờ BĐ số 41	Nhà ông Lam xóm Kẽ Mui	600.000	600.000	
6	Xã Giai Xuân đi Tân Phú (cũ)	Nhà ông Khê xóm Kẽ Mui thửa 931, tờ BĐ số 41	Ngã 3 Đập dê xóm Long Thọ thửa 236, tờ BĐ số 22	600.000	600.000	
7	Xã Giai Xuân đi Tân Phú (cũ)	Chợ chiều Vạn Long thửa 156, tờ BĐ số 32	Nhà ông Vũ Ngọc Bảo thửa 369, tờ BĐ số 32	900.000	700.000	
8	Xã Giai Xuân đi Tân Phú (cũ)	Nhà ông Nguyễn Văn Đắc xóm Vạn Long thửa 208, tờ BĐ số 32	Nhà bà Nguyễn Thị Hương xóm Vạn Xuân thửa 300, tờ BĐ số 33	600.000	600.000	
9	Xã Giai Xuân đi Nghĩa Phúc (cũ)	Ngã 3 đường tỉnh lộ 534D xóm Xuân Tiến từ thửa 99, tờ BĐ số 39	Xóm Nước Xanh đến thửa 01, tờ BĐ số 57	650.000	650.000	
10	Xã Giai Xuân đi Nghĩa Phúc (cũ)	Ngã 3 đường tỉnh lộ 534D (Ông Hoạch) xóm Đồi Chè từ thửa 634, tờ BĐ số 41	Đập Bai xóm Quyết Tâm đến thửa 257, tờ BĐ số 52	650.000	650.000	
11	Xã Giai Xuân đi Nghĩa Phúc (cũ)	Đập Bai xóm Quyết Tâm thửa 529, tờ BĐ số 52	Nhà ông Thanh xóm Quyết Tâm thửa 16, tờ BĐ số 58	500.000	500.000	

12	Xã Giai Xuân đi Nghĩa Phúc (cũ)	Nhà ông Tin xóm Quyết Tâm thửa 41, tờ BĐ số 58	Nhà bà Nguyễn Thị Hồng thửa 130, tờ BĐ số 58	450.000	450.000	
13	Xã Giai Xuân đi Nghĩa Phúc (cũ)	Trạm Biên Ấp xóm Quyết Tâm và Nhà ông Mậu xóm Quyết Tâm thửa 1026, tờ BĐ số 52 và thửa 656, tờ bản đồ số 51	Nhà ông Đào xóm Nước Xanh thửa 616, tờ BĐ số 50	650.000	650.000	
14	Xã Giai Xuân đi xã Tân Long (cũ)	Nhà ông Bùi Văn Toàn xóm Quyết Tâm từ thửa 1225, tờ BĐ số 52	Nhà ông Nguyễn Văn Tùng xóm Quyết Tâm đến thửa 09, tờ BĐ số 61	420.000	420.000	
15	Xã Giai Xuân đi xã Tân Long (cũ)	Nhà ông Nguyễn Đình Liên, xóm Quyết Tâm thửa 918, tờ BĐ số 59	Nhà ông Nguyễn Văn Tùng xóm Quyết Tâm thửa 09, tờ BĐ số 61	420.000	420.000	
16	UBND xã đi xóm Quyết Tâm	Bru điện thửa 756, tờ BĐ số 41	Nhà ông Thông xóm Quyết Tâm thửa 104, tờ BĐ số 52	650.000	420.000	
17	UBND xã đi xóm Quyết Tâm	Đường 534 D xóm Đồi Chè từ thửa 706, tờ BĐ số 41	Trường THCS thửa 730, tờ BĐ số 41	650.000	420.000	
18	Tuyên Tổng đội TNXP4 - Sông Con	Nhà ông Quang từ thửa 28, tờ BĐ số 25	Nhà ông Trương Văn Êm thửa 92, tờ BĐ số 12	600.000	200.000	
19	Tuyên Tổng đội TNXP4 - Sông Con	Nhà ông Nguyễn Văn Lộc từ thửa 329, tờ BĐ số 18	Cầu Khe Đáu đến thửa 340, tờ BĐ số 19	550.000	250.000	
20	Yên Hòa đi Nghĩa Thành	Ngã ba nhà Dụng Ngọc, xóm Yên Hòa (từ thửa đất số 174, tờ bản đồ 76)	Chân Dốc Đỏ, xóm Yên Hòa (đến thửa đất số 114, tờ bản đồ 40)	1.200.000	300.000	
21	Yên Hòa đi Nghĩa Thành	Đỉnh Dốc Đỏ, xóm Trung Độ (từ thửa đất số 120, tờ bản đồ 40)	Nhà ông Nguyễn Thành Đại, xóm Trung Độ (đến thửa đất số 61, tờ bản đồ 29)	1.000.000	300.000	
22	Yên Hòa đi Nghĩa Thành	Ngã Ba Thung Lãng, xóm Trung Độ (từ thửa đất số 18, tờ bản đồ 28)	Nhà ông Nguyễn Xuân Gàng, xóm Trung Độ (đến thửa đất số 177, tờ bản đồ 26)	1.100.000	300.000	
23	Yên Hòa đi Nghĩa Thành	Nhà bà Nguyễn Thị Dung (Phúc), xóm Nghĩa Thành (từ thửa đất số 170, tờ bản đồ 26)	Nhà ông Nguyễn Văn Đàn, xóm Nghĩa Thành (đến thửa đất số 135, tờ bản đồ 46)	800.000	300.000	
24	Tân Lập đi Tân Hương	Ngã ba cây Đa, xóm Tân Lập (từ thửa đất số 126, tờ bản đồ 80)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Dậu, xóm Tân Lập (đến thửa đất số 72, tờ bản đồ 43)	900.000	300.000	

25	Tân Lập đi Tân Hương	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Ngo (B), xóm Tân Lập (đến thửa đất số 86, tờ bản đồ 43)	6 Ngã ba nhà ông Hà Xuân Khoa, xóm Tân Lập (đến thửa đất số 292, tờ bản đồ 25)	800.000	250.000	
III	Các khu dân cư các xóm					
1	Xóm Vạn Xuân					
1,1	Đường liên thôn	Xóm Vạn Xuân từ thửa 332, tờ bản đồ 33	Đến thửa đất số 270, tờ bản đồ số 32;	400.000	300.000	
1,2	Đường liên thôn	Xóm Vạn Xuân từ thửa 33, tờ bản đồ 33	Xóm Vạn Xuân đến 62, tờ bản đồ 33	400.000	300.000	
1,3	Đường liên thôn	Xóm Vạn Xuân từ thửa đất số 65, tờ bản đồ 33	Xóm Vạn Xuân đến thửa đất số 05, tờ bản đồ 33	400.000	300.000	
1,4	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Vạn Xuân</i>			350.000	250.000	
2	Xóm Vạn Long					
2,1	Đường trục chính xóm Vạn Long	Xóm Vạn Long từ 200, tờ bản đồ 32	Đến thửa đất số 12, tờ bản đồ số 32;	400.000	300.000	
2,2	Đường liên thôn	Xóm Vạn Long từ 38, tờ bản đồ 32	Xóm Vạn Xuân đến 177, tờ bản đồ 32	400.000	300.000	
2,3	Đường liên thôn	Xóm Vạn Long từ thửa đất số 157, tờ bản đồ 32	Xóm Vạn Long đến thửa đất số 769, tờ bản đồ 24	400.000	300.000	
2,4	Đường liên thôn	Xóm Vạn Long từ thửa đất số 49, tờ bản đồ 32	Xóm Vạn Long đến thửa đất số 60, tờ bản đồ 24	400.000	300.000	
2,5	Đường liên thôn	Xóm Vạn Long từ thửa đất số 157, tờ bản đồ 32	Xóm Vạn Long đến thửa đất số 769, tờ bản đồ 24	400.000	300.000	
2,6	Đường liên thôn	Xóm Vạn Long từ thửa đất số 227, tờ bản đồ 32	Xóm Vạn Long đến thửa đất số 275, tờ bản đồ 32	400.000	300.000	
2,7	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Vạn Long</i>			350.000	250.000	
3	Xóm Long Thọ					
3,1	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 212, tờ bản đồ 32	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 281, tờ bản đồ 32	400.000	300.000	

3,2	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 695, tờ bản đồ 31	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 13, tờ bản đồ 31	400.000	300.000	
3,3	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 42, tờ bản đồ 31	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 152, tờ bản đồ 31	400.000	300.000	
3,4	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 42, tờ bản đồ 31	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 152, tờ bản đồ 31	400.000	300.000	
3,5	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 556, tờ bản đồ 31	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 215, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
3,6	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 153, tờ bản đồ 42	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 180, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
3,7	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 270, tờ bản đồ 42	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 282, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
3,8	Đường liên thôn	Xóm Long Thọ từ thửa đất số 179, tờ bản đồ 42	Xóm Long Thọ đến thửa đất số 218, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
3,9	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Long Thọ</i>			450.000	250.000	
4	Xóm Kẻ Mui					
4,1	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 265, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 07, tờ bản đồ 30	400.000	300.000	
4,2	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 281, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 283, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
4,3	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 352, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 354, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
4,4	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 364, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 336, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
4,5	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 324, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 347, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
4,6	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 296, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 373, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
4,7	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 153, tờ bản đồ 30	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 03, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	

4,8	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 908, tờ bản đồ 41	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 317, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	
4,9	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 85, tờ bản đồ 41	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 103, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	
5	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 388, tờ bản đồ 42	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 349, tờ bản đồ 42	400.000	300.000	
5,1	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 31, tờ bản đồ 53	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 132, tờ bản đồ 53	400.000	300.000	
5,2	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 128, tờ bản đồ 53	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 105, tờ bản đồ 52 (Kẻ Trạm y tế)	400.000	300.000	
5,3	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 115, tờ bản đồ 53	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 162, tờ bản đồ 53	400.000	300.000	
5,4	Đường liên thôn	Xóm Kẻ Mui từ thửa đất số 43, tờ bản đồ 53	Xóm Kẻ Mui đến thửa đất số 147, tờ bản đồ 53	400.000	300.000	
5,5	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Kẻ Mui</i>			350.000	250.000	
5	Xóm Quyết Tâm					
5,1	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 817, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 234, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,2	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 717, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 719, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,3	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 717, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 719, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,4	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 717, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 1252, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,5	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 814, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 940, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,6	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 1352, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 498, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,7	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 754, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 689, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	

5,8	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 880, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 720, tờ bản đồ 52	400.000	250.000	
5,9	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 941, tờ bản đồ 52	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 386, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 386, tờ bản đồ 59	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 969, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6,1	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 386, tờ bản đồ 59	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 825, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6,2	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 731, tờ bản đồ 59	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 655, 674, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6,3	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 918, tờ bản đồ 59	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 892, 942, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6,4	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 233, tờ bản đồ 59	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 479, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6,5	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 525, tờ bản đồ 59	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 626, tờ bản đồ 59	400.000	250.000	
6,6	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 600, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 599, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
6,7	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 584, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 595, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
6,8	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 555, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 581, 549, 548 tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
6,9	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 504, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 515, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
7	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 460, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 503, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
7,1	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 409, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 549, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
7,2	Đường liên thôn	Xóm Quyết Tâm từ thửa đất số 315, tờ bản đồ 51	Xóm Quyết Tâm đến thửa đất số 390, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
7,3	Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Quyết Tâm			350.000	200.000	

6	Xóm Nước Xanh					
6,1	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 314, tờ bản đồ 51	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 344, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
6,2	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 218, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 239, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
6,3	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 311, tờ bản đồ 51	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 418, tờ bản đồ 51	400.000	250.000	
6,4	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 278, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 60, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
6,5	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 107, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 212, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
6,6	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 462, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 753, 649, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
6,7	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 407, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 602, 649, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
6,8	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 637, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 675, 649, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
6,9	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 657, tờ bản đồ 50	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 722, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
7	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 12, tờ bản đồ 44	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 14, tờ 44; 490, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
7,1	Đường liên thôn	Xóm Nước Xanh từ thửa đất số 374, tờ bản đồ 39	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 407, tờ bản đồ 50	400.000	250.000	
7,2	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Nước Xanh</i>			350.000	200.000	
7	Xóm Xuân Tiến					
7,1	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 85, tờ bản đồ 39	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 54, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	
7,2	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 363, tờ bản đồ 39	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 234, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	

7,3	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 03, tờ bản đồ 39	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 282, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	
7,4	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 257, tờ bản đồ 39	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 267, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	
7,5	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 371, tờ bản đồ 28	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 396, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	
7,6	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 366, tờ bản đồ 28	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 278, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	
7,7	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 314, tờ bản đồ 28	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 276, tờ bản đồ 39	400.000	300.000	
7,8	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 38, tờ bản đồ 40	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 146, tờ bản đồ 29	400.000	300.000	
7,9	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 224, tờ bản đồ 29	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 103, tờ bản đồ 29	400.000	300.000	
8	Đường liên thôn	Xóm Xuân Tiến từ thửa đất số 225, tờ bản đồ 29	Xóm Nước Xanh đến thửa đất số 311, tờ bản đồ 28	400.000	300.000	
8,1	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Xuân Tiến</i>			350.000	250.000	
8	Xóm Đồi Chè					
8,1	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 715, tờ bản đồ 41	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 780, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	
8,2	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 858, tờ bản đồ 41	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 24, tờ bản đồ 52	400.000	300.000	
8,3	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 197, tờ bản đồ 41	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 40, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	
8,4	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 166, tờ bản đồ 40	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 196, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	
8,5	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 150, tờ bản đồ 40	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 45, tờ bản đồ 40	400.000	300.000	
8,6	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 67, tờ bản đồ 29	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 189, tờ bản đồ 41	400.000	300.000	

8,7	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 10, tờ bản đồ 40	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 42, tờ bản đồ 40	400.000	300.000	
8,8	Đường liên thôn	Xóm Đồi Chè từ thửa đất số 32, tờ bản đồ 40	Xóm Đồi Chè đến thửa đất số 203, tờ bản đồ 29	400.000	300.000	
8,9	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Đồi Chè</i>			350.000	250.000	
9	Xóm Kẽ Thai					
9,1	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Kẽ Thai</i>			400.000	300.000	
10	Xóm Tân Lập					
10,1	Đường Làng Sỏ	Đầu đường (từ thửa số 163, tờ bản đồ số 43)	Cuối đường (từ thửa số 99, tờ bản đồ số 43)	400.000	200.000	
10,2	Đường Làng Măng 1	Đầu đường (từ thửa số 72, tờ bản đồ số 43)	Cuối đường (từ thửa số 26, tờ bản đồ số 43)	400.000	200.000	
10,3	Đường Làng Măng 2	Đầu đường (từ thửa số 119; 144, tờ bản đồ số 43)	Cuối đường (từ thửa số 102, tờ bản đồ số 43)	400.000	200.000	
10,4	Đường ngõ xóm	Đầu đường (từ thửa số 31, tờ bản đồ số 80)	Cuối đường (từ thửa số 1;2;3;4;5, tờ bản đồ số 81)	500.000	250.000	
10,5	Đường ngõ xóm	Đầu đường (từ thửa số 42; 48, tờ bản đồ số 79)	Cuối đường (từ thửa số 63, tờ bản đồ số 79)	500.000	250.000	
10,6	Đường ngõ xóm	Đầu đường(từ thửa số 34; 35, tờ bản đồ số 79)	Cuối đường(từ thửa số 37, tờ bản đồ số 79)	500.000	250.000	
10,7	Đường ngõ xóm	Đầu đường (từ thửa số 21; 22, tờ bản đồ số 79)	Cuối đường (từ thửa số 28, tờ bản đồ số 79)	500.000	250.000	
10,8	Đường Làng Bền	Đầu đường (từ thửa số 88, tờ bản đồ số 80)	Cuối đường (từ thửa số 42, tờ bản đồ số 53)	400.000	200.000	
10,9	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Tân Lập</i>			300.000	150.000	
11	Xóm Yên Hòa					
11,1	Đường từ Nhà văn hóa xóm	Đầu đường (từ thửa số 26, tờ bản đồ số 76)	Cuối đường (từ thửa số 32, tờ bản đồ số 76)	500.000	300.000	

11,2	Đường từ ngã ba nhà ông Giang Dịu	Đầu đường (từ thửa số 18; 28, tờ bản đồ số 78)	Cuối đường (từ thửa số 24, tờ bản đồ số 52)	500.000	300.000	
11,3	Đường từ ngã ba nhà ông Nguyễn Bút Chiêm	Đầu đường (từ thửa số 01, tờ bản đồ số 78)	Cuối đường (từ thửa số 215, tờ bản đồ số 52)	500.000	300.000	
11,4	Đường từ ngã ba nhà ông Nguyễn Duy Thân	Đầu đường (từ thửa số 12, tờ bản đồ số 52)	Cuối đường (từ thửa số 15, tờ bản đồ số 52)	500.000	300.000	
11,5	Đường từ trạm Y tế cũ	Đầu đường (từ thửa số 135, tờ bản đồ số 76)	Cuối đường (từ thửa số 03, tờ bản đồ số 78)	500.000	300.000	
11,6	Đường từ ngã ba quán nhà Yên Nhung	Đầu đường (từ thửa số 68, tờ bản đồ số 76)	Cuối đường (từ thửa số 02; 06, tờ bản đồ số 76)	500.000	300.000	
11,7	Đường từ ngã ba nhà anh Tiễn	Đầu đường (từ thửa số 10, tờ bản đồ số 76)	Cuối đường (từ thửa số 08; 21, tờ bản đồ số 76)	500.000	300.000	
11,8	Đường từ ngã ba quán nhà Trường Nhung	Đầu đường (từ thửa số 84, tờ bản đồ số 76)	Cuối đường (từ thửa số 53; 59, tờ bản đồ số 76)	500.000	300.000	
11,9	Đường từ ngã ba Thung Dưa	Đầu đường (từ thửa số 01, tờ bản đồ số 77)	Cuối đường (từ thửa số 14, tờ bản đồ số 77)	500.000	300.000	
12	Đường từ ngã ba Thung Roong	Đầu đường (từ thửa số 100, tờ bản đồ số 40)	Cuối đường (từ thửa số 101, tờ bản đồ số 40)	500.000	300.000	
12,1	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Yên Hòa</i>			400.000	250.000	
12	Xóm Trung Độ					
12,1	Đường từ ngã ba nhà bà Ngọc	Đầu đường (từ thửa số 13, tờ bản đồ số 40)	Cuối đường (từ thửa số 60, tờ bản đồ số 29)	500.000	300.000	
12,2	Đường từ ngã ba nhà anh Thanh Thắng	Đầu đường (từ thửa số 25, tờ bản đồ số 73)	Cuối đường (từ thửa số 28, tờ bản đồ số 20)	500.000	300.000	
12,3	Đường từ ngã ba nhà chị Liệt	Đầu đường (từ thửa số 12, tờ bản đồ số 74)	Cuối đường (từ thửa số 04; 05, tờ bản đồ số 74)	500.000	300.000	
12,4	Đường từ ngã ba nhà anh Nguyễn Bá Vinh	Đầu đường (từ thửa số 38, tờ bản đồ số 73)	Cuối đường (từ thửa số 17, tờ bản đồ số 73)	500.000	300.000	
12,5	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Trung Độ</i>			350.000	250.000	
13	Xóm Nghĩa Thành					

13,1	Đường từ ngã ba nhà anh Nguyễn Ty Hải theo đường bê tông nông thôn xóm	Đầu đường (từ thửa số 28, tờ bản đồ số 36)	Cuối đường (từ thửa số 72; 131, tờ bản đồ số 36)	300.000	200.000	
13,2	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Nghĩa Thành</i>			250.000	150.000	
14	Xóm Hồng Sơn					
14,1	Đường từ ngã ba nhà ông Lang Văn Khuyên	Đầu đường (từ thửa số 83, tờ bản đồ số 84)	Cuối đường (từ thửa số 30, tờ bản đồ số 84)	350.000	200.000	
14,2	Đường từ ngã ba nhà ông Lang Văn Ân	Đầu đường (từ thửa số 21, tờ bản đồ số 85)	Cuối đường (từ thửa số 25, tờ bản đồ số 83)	300.000	200.000	
14,3	Đường từ ngã ba nhà bà Lang Thị Bương	Đầu đường (từ thửa số 78, tờ bản đồ số 84)	Cuối đường (từ thửa số 37, tờ bản đồ số 62)	350.000	200.000	
14,4	Đường từ ngã ba nhà Kỷ Thìn	Đầu đường (từ thửa số 142, tờ bản đồ số 66)	Cuối đường (từ thửa số 131; 175, tờ bản đồ số 65)	300.000	200.000	
14,5	Đường từ ngã ba nhà ông Mai Thịnh	Đầu đường (từ thửa số 169, tờ bản đồ số 69)	Cuối đường (từ thửa số 48, tờ bản đồ số 65)	300.000	200.000	
14,6	<i>Các thửa đất còn lại thuộc khu dân cư xóm Hồng Sơn</i>			250.000	150.000	
IV	Các khu vực quy hoạch khu dân cư để thực hiện đấu giá, bố trí tái định cư					
1	Xã Giai Xuân đi xã Tân Xuân (cũ)	Khu đấu giá Vạn Long thửa 463, và thửa đất số 464, 465, 466, tờ BĐ số 32	Khu đấu giá Vạn Long thửa 812, tờ BĐ số 23	2.000.000	2.000.000	
2	Xã Giai Xuân đi xã Tân Phú	Ngã 3 Đập dê xóm Long Thọ thửa 405, tờ BĐ số 32	Đến nhà ông Hoàng Văn Chung xóm Vạn Long Khu (đấu giá chia lô đất ở) thửa 420, tờ BĐ số 32	2.000.000	2.000.000	

